

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN THANH TRỊ** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST.  
Ngày 23-8-2022.  
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Quách Thị Hải Yến.

- Ông Nguyễn Công Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXX-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Danh Thị Kim T, sinh ngày 04/04/1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

(có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Sơn Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2022 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Kim T và ông Sơn Q cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân. Trong quá trình chung sống

vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q không lo làm ăn, ông Q có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, nhiều lần đánh và đuổi bà ra khỏi nhà, bà và ông Q không còn chung sống từ đầu năm 2021 cho đến nay, bà T yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một người con chung tên Sơn Thị Kim H, sinh ngày 30/11/2014, con đang do bà T nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu giải quyết buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con, do hiện tại bà có khả năng nuôi con, khi nào có yêu cầu cấp dưỡng bà sẽ khởi kiện sau.

Về tài sản chung không có, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Bị đơn ông Sơn Q không có văn bản cung cấp lời khai:*

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, giao con cho nguyên đơn nuôi đến khi con đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Sơn Q lần thứ hai nhưng ông Q đều vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Danh Thị Kim T và ông Sơn Q tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng qua lời trình bày của nguyên đơn cũng như qua kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống bà T và ông Q thực tế có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau. Từ khi bà T yêu cầu ly hôn cho đến nay ông Q không đến để hòa giải, cũng không có văn bản phản đối việc ly hôn. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đến nay vẫn không giải quyết được, nếu tiếp tục kéo dài là không thể mang lại hạnh phúc, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà T được ly hôn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Bà T và ông Q có 01 người con chung tên Sơn Thị Kim H, sinh ngày 30/11/2014, hiện con đang sống chung với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Hân đã sống ổn định với bà T nên giao cháu Hân cho bà T

tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng do bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết việc cấp dưỡng, khi nào có yêu cầu cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Danh Thị Kim T là người khởi kiện nên phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[6] Tại phiên toà Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Danh Thị Kim T được ly hôn với ông Sơn Q.

Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Kim H, sinh ngày 30/11/2014 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Sơn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn bà Danh Thị Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0001287 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng